

**TAND THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2020/QĐST- HNGĐ

Tp. H, ngày 28 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2020, giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh Mai Văn T (Túc K), sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đội 3, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

* **Bị đơn:** Chị Trần Thị C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đội 3, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Mai Thị T1, sinh ngày 31/01/1996.

- Cháu Mai Văn H1, sinh ngày 16/8/1997.

- Cháu Mai Gia B, sinh ngày 09/01/2013.

Các cháu đều có địa chỉ: Đội 3, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu B là chị Trần Thị C và anh Mai Văn T (túc K).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/5/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Văn T (túc K) và chị Trần Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn T (tức K) và chị Trần Thị C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị tự thỏa thuận: Cháu Mai Thị T1, sinh ngày 31/01/1996 và cháu Mai Văn H1, sinh ngày 16/8/1997 đã trưởng thành không đề nghị Tòa giải quyết. Chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Mai Gia B, sinh ngày 09/01/2013 đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh Mai Văn T (tức K) tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Anh T (tức K) được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị C và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T (tức K) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án về khoản cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh T (tức K) không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T(tức K) tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án cấp dưỡng nuôi con, cộng bằng 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0001111 ngày 23/4 /2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T (tức K) đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thành phố H
- UBND xã L, thành phố H (GCNKH số 11 ngày 20/6/1995)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Anh

